

SỐ: 4 5 8 / CBTT – HĐQT
V/v CBTT Báo cáo tài chính
6 tháng đầu năm 2020 đã kiểm toán

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước,
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.**

2. Mã chứng khoán: TB8

3. Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 12 thị trấn Đông Anh-Huyện Đông Anh-Thành phố Hà Nội.

4. Điện thoại: 0243 8833247

5. Fax: 0243 9689871

6. Người thực hiện công bố thông tin: **Phạm Đức Khiêm**

Chức vụ: Giám đốc Công ty.

7. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI

8. Địa chỉ trang Website đăng tải BCTC 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI: <http://www.vttbvietsbac-vvmi.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố./.

1. Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VT, HĐQT(Ch.2)

2. Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 đã kiểm toán.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Phạm Đức Khiêm

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH
VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ
tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào
ngày 30/06/2020



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 35



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI (viết tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp số 0101854047 ngày 05/10/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính cũng như thay đổi về người đại diện theo pháp được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 0101854047 lần 1, 2, 3 và lần 4 ngày 06/04/2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0101854047, thay đổi lần thứ 4 ngày 06/04/2016, vốn điều lệ của Công ty là 12.500.000.000 VND được chia thành 1.250.000 cổ phần, danh sách các cổ đông hiện tại như sau:

TT	Tên cổ đông	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ
1	TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	6.375.000.000	51%
2	Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	6.125.000.000	49%
	Cộng	12.500.000.000	100%

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT
- Ông Phạm Đức Khiêm	Ủy viên
- Ông Ngô Minh Vinh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Phạm Đức Khiêm	Giám đốc
- Ông Ngô Minh Vinh	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMÍ

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Nguyễn Thị Hồng Nhung	Trưởng ban kiểm soát
- Ông Tô Toàn Thắng	Thành viên
- Bà Trần Thu Hương	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/06/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Khiêm

Số: 14 /2020/BCSX-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI được lập ngày 10 tháng 7 năm 2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 được trình bày từ trang 7 đến trang 35 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

CHỖ TRÁCH NHIỆM VIÊN KIỂM TOÁN

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI tại ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Như Tiến

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0449-2018-242-1



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26 Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.622.910.119	45.314.073.420
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.867.046.742	1.824.097.648
Tiền	111	5.1	4.867.046.742	1.824.097.648
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.849.047.092	32.887.229.884
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	50.453.182.247	31.687.731.571
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.050.000.000	-
Các khoản phải thu khác	136	5.3	1.666.039.625	1.519.673.093
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.5	(320.174.780)	(320.174.780)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.4	15.840.454.304	10.502.167.706
Hàng tồn kho	141		15.840.454.304	10.502.167.706
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		66.361.981	100.578.182
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	66.361.981	100.578.182
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	5.11	-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.388.270.787	3.128.033.533
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.3	-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		2.389.617.799	3.129.785.221
TSCĐ hữu hình	221	5.7	2.389.617.799	3.129.785.221
- Nguyên giá	222		45.428.273.427	45.428.273.427
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.038.655.628)	(42.298.488.206)
Tài sản dở dang dài hạn	240		(2.272.728)	(5.454.546)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		(2.272.728)	(5.454.546)
Tài sản dài hạn khác	260		925.716	3.702.858
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	925.716	3.702.858
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		76.011.180.906	48.442.106.953

CHỖ HẠN
M
P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26 Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
NỢ PHẢI TRẢ	300		57.953.043.735	29.880.450.166
Nợ ngắn hạn	310		57.953.043.735	29.870.904.699
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	28.400.785.875	20.607.398.136
Người mua trả tiền trước	312		-	-
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	770.814.645	1.091.289.309
Phải trả người lao động	314		6.236.680.205	3.582.585.435
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	787.843.785	87.840.691
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	318	5.14	47.727.283	76.363.632
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	4.583.632.361	1.457.461.134
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.8	15.829.445.119	2.880.145.266
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.10	720.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		576.114.462	87.821.096
Nợ dài hạn	330		-	9.545.467
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	-	9.545.467
Phải trả dài hạn khác	337	5.13	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.058.137.171	18.561.656.787
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	18.058.137.171	18.561.656.787
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.500.000.000	12.500.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.705.902.909	1.705.902.909
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.15	2.478.462.859	2.478.462.859
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.373.771.403	1.877.291.019
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		76.011.180.906	48.442.106.953

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Hà Thị Thúy An

Bùi Phương Anh

Phạm Đức Khiêm

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26 Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	144.144.990.503	112.512.541.673
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		144.144.990.503	112.512.541.673
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	129.436.114.909	102.194.697.281
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.708.875.594	10.317.844.392
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.268.749	1.078.339
Chi phí tài chính	22	6.4	692.385.691	628.603.117
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		692.385.691	628.603.117
Chi phí bán hàng	24	6.6	6.217.558.787	4.678.726.305
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	6.210.982.177	4.219.991.278
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.590.217.688	791.602.031
Thu nhập khác	31	6.5	-	378.377.291
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	378.377.291
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.590.217.688	1.169.979.322
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	216.446.285	245.283.864
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.373.771.403	924.695.458
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.099	740
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





Hà Thị Thúy An

Bùi Phương Anh

Phạm Đức Khiêm

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26 Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.590.217.688	1.169.979.322
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		740.167.422	529.079.658
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.268.749)	(355.562.325)
Chi phí lãi vay	06		692.385.691	628.603.117
Các khoản điều chỉnh khác	07			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.020.502.052	1.972.099.772
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(19.961.817.208)	(10.453.967.032)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(5.338.286.598)	(8.457.439.752)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		14.171.230.991	22.246.023.739
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		36.993.343	(450.000)
Tiền lãi vay đã trả	14		(679.613.779)	(631.470.756)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(433.580.488)	(374.612.407)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			1.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(138.997.653)	(711.985.714)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.323.569.340)	3.589.197.850
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(3.181.818)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22			354.545.454
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.268.749	1.016.871
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(913.069)	355.562.325
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	70.455.535.839	82.521.610.217
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(57.506.235.986)	(82.280.322.039)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(581.868.350)	(875.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.367.431.503	(633.711.822)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		3.042.949.094	3.311.048.353
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.824.097.648	595.092.605
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		4.867.046.742	3.906.140.958

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hà Thị Thúy An

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bùi Phương Anh

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2020

GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Khiêm

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI (viết tắt là Công ty) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp số 0101854047 ngày 05/10/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính cũng như thay đổi về người đại diện theo pháp luật đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 0101854047 lần 1, 2, 3 và lần 4 ngày 06/04/2016.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống; Sản xuất và kinh doanh vỏ bao xi măng, vật liệu xây dựng và thép lưới nóc lò.

Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2020, không có sự kiện nào phát sinh làm ảnh hưởng đến các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có Văn phòng chính đặt tại Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Đến ngày 30/06/2020, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 136 người, trong đó số nhân viên quản lý là 10 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

0640-
TY
HỮU
F
NAN
V-T

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| - Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa | Phương pháp bình quân gia quyền |
| - Chi phí SXKD dở dang | Phương pháp tính giá thành phân bước có tính giá thành bán thành phẩm. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 10/10/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- | | |
|------------------------------------|------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc: | 6 - 10 năm |
| - Máy móc, thiết bị: | 5 - 6 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn: | 6 năm |
| - Thiết bị dụng cụ, quản lý: | 3 - 5 năm |

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

4.7 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.8 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm: chi phí lãi vay và các khoản chi phí khác. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp số 0101854047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nội lần đầu cấp ngày 05/10/2004 và thay đổi lần 4 ngày 06/04/2016, và cho đến ngày kết thúc kỳ tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
TCT công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	6.375.000.000	6.375.000.000	100%
Cổ đông cá nhân	6.125.000.000	6.125.000.000	100%
Tổng cộng	12.500.000.000	12.500.000.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

4.11 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng;
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận;
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.12 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.13 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT là 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm là thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu

344
ÔNG
NHIỆ
PH
ÉT
UẢ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền**

		30/06/2020	01/01/2020
		(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	113.575.780	18.528.852
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	4.753.470.962	1.805.568.796
Cộng		4.867.046.742	1.824.097.648

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2020 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		113.575.780
Cộng		113.575.780

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2020 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		4.753.470.962
NHTMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh		4.742.954.907
NHTMCP Quân Đội - CN Đông Anh		1.886.261
NHTMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Ba Đình		8.603.378
NHTMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Sóc Sơn		26.416
Cộng		4.753.470.962

5.2. Phải thu khách hàng

		30/06/2020	01/01/2020
		(VND)	(VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		50.453.182.247	31.687.731.571
Công ty Xây lắp mỏ - TKV		4.566.861.330	4.366.717.660
Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI		6.326.195.220	4.095.734.500
Công ty Than Dương Huy - TKV		6.214.178.957	4.989.640.715
Công ty Nhôm Đak Nông - TKV		12.531.750.000	2.846.250.000
Khách hàng khác		20.814.196.740	15.389.388.696
b. Phải thu của khách hàng dài hạn		-	-
Cộng		50.453.182.247	31.687.731.571

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

- c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem mục 8.3 – Thông tin về các bên liên quan

5.3. Phải thu khác

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.666.039.625	-	1.519.673.093	-
Phải thu người lao động	-	-	10.500.000	-
Các khoản cầm cố ký quỹ, ký cược ngắn hạn	137.789.686	-	170.286.093	-
Công ty CP Xi măng La Hiên - VVMI	597.772.659	-	665.852.000	-
Công ty Xi măng Tân Quang - VVMI	930.477.280	-	672.540.000	-
Các khoản khác	-	-	495.000	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.666.039.625	-	1.519.673.093	-

5.4. Hàng tồn kho

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.190.264.497	-	3.389.589.688	-
Công cụ dụng cụ	136.345.437	-	104.311.589	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.413.535.125	-	1.881.907.757	-
Thành phẩm	6.100.309.245	-	4.800.444.630	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Hàng gửi bán	-	-	325.914.042	-
Cộng	15.840.454.304	-	10.502.167.706	-



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

5.5. Nợ xấu

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;	320.174.780	-	320.174.780	-
- Từ 3 năm trở lên:	320.174.780	-	320.174.780	-
<i>Công ty CP Xi măng Vĩnh Phú</i>	320.174.780	-	320.174.780	-
Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu	-	-	-	-
Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	-	-	-	-

5.6. Chi phí trả trước

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a. Ngắn hạn	66.361.981	100.578.182
Chi phí bảo hiểm, phí đường bộ	29.257.672	43.760.000
Công cụ, dụng cụ	37.104.309	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	56.818.182
b. Dài hạn	925.716	3.702.858
Phí sử dụng bản quyền phần mềm quản lý xe	925.716	3.702.858
Cộng	67.287.697	104.281.040

34406

ÔNG

NHÌM

PKI

T N

JAN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
 Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

MINH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 tài chính bắt đầu từ 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

1. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	12.185.913.926	27.187.187.432	5.818.882.160	236.289.909	45.428.273.427
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	12.185.913.926	27.187.187.432	5.818.882.160	236.289.909	45.428.273.427
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu kỳ	10.882.063.419	27.187.187.432	3.992.947.446	236.289.909	42.298.488.206
- Khấu hao trong kỳ	320.911.813	-	419.255.609	-	740.167.422
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	11.202.975.232	27.187.187.432	4.412.203.055	236.289.909	43.038.655.628
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	1.303.850.507	-	1.825.934.714	-	3.129.785.221
Tại ngày cuối kỳ	982.938.694	-	1.406.679.105	-	2.389.617.799
Trong đó: - Thẻ chấp, cầm cố					
- Đã KH hết, đang sử dụng					35.768.865.207
- Chờ thanh lý					-



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
 địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

ÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 ý tài chính bắt đầu từ 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

8. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2020 (VND)		30/06/2020 (VND)			
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Anh(*)	2.880.145.266	2.880.145.266	70.455.535.839	57.506.235.986	15.829.445.119	15.829.445.119
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	2.880.145.266	2.880.145.266	70.455.535.839	57.506.235.986	15.829.445.119	15.829.445.119

(*) Hợp đồng tín dụng số 12/2020-HĐCVHM/NHCT144-VVMI ngày 04/06/2020 ký giữa NHTMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Anh và Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI hạn mức 40.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay tối đa không quá 03 tháng và được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư tại ngày 30/06/2020 là 15.829.445.119 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

5.9. Phải trả người bán

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	28.400.785.875	28.400.785.875	20.607.398.136	20.607.398.136
Công ty CP Tư vấn & Đầu tư XD Đông Anh	7.996.900.064	7.996.900.064	8.656.849.996	8.656.849.996
Công ty TNHH MTV cơ khí Đại Tân	5.085.368.348	5.085.368.348	2.226.259.026	2.226.259.026
Công ty CP giấy Hoàng Văn Thụ	3.055.648.750	3.055.648.750	2.142.601.120	2.142.601.120
Công ty Giấy và bao bì Phú Cường	3.206.789.050	3.206.789.050	1.931.733.660	1.931.733.660
Nhà cung cấp khác	9.056.079.663	9.056.079.663	5.649.954.334	5.649.954.334
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	28.400.785.875	28.400.785.875	20.607.398.136	20.607.398.136
c. Phải trả của khách hàng là các bên liên quan: Xem mục 8.3 - Thông tin về các bên liên quan				

5.10. Dự phòng phải trả

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a. Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	400.000.000	-
Dự phòng phải trả khác	320.000.000	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	720.000.000	-

03134
CÔ
RÁCH NI
P
VIÊ
VH XU

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
tài chính bắt đầu từ 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2020 (VND)
a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.091.289.309	2.382.356.871	2.702.831.535	770.814.645
Thuế giá trị gia tăng	831.370.588	1.475.785.029	1.609.750.140	697.405.477
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	259.918.721	216.446.285	433.580.488	42.784.518
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	59.944.296	29.319.646	30.624.650
Thuế đất và tiền thuê đất	-	627.181.261	627.181.261	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	1.091.289.309	2.382.356.871	2.702.831.535	770.814.645
b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	-	-	-	-
Cộng	1.091.289.309	2.382.356.871	2.702.831.535	770.814.645

(*) Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

5.12. Chi phí phải trả

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a. Ngắn hạn	60.612.603	87.840.691
Chi phí lãi vay phải trả	15.612.603	2.840.691
Chi phí kiểm toán	45.000.000	45.000.000
Chi phí phải trả khác	27.000.000	40.000.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	787.843.785	87.840.691

5.13. Phải trả khác

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a. Ngắn hạn	4.583.632.361	1.457.461.134
Kinh phí Công đoàn	51.780.820	68.988.180
Công ty TNHH SX và TM Ngọc Minh Giang	264.722.000	264.722.000
Công ty giấy và bao bì Phú Cường	484.466.000	484.466.000
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	903.274.000	337.000.000
Mai Quang Tuấn	1.511.000.000	-
Tổng công ty CN Mỏ Việt Bắc	522.727.000	77.775.670
Các khoản phải trả, phải nộp khác	845.662.541	224.509.284
b. Dài hạn	-	-
Phải trả dài hạn khác	-	-
Cộng	4.583.632.361	1.457.461.134
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

5.14. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Ngắn hạn	47.727.283	76.363.632
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	47.727.283	76.363.632
Dài hạn	-	9.545.467
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	9.545.467
Cộng	47.727.283	85.909.099

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

5.15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	12.500.000.000	-	4.031.621.694	1.384.146.914	-	17.915.768.608
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.877.291.019	-	1.877.291.019
Tăng khác	-	-	152.744.074	-	1.705.902.909	1.858.646.983
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.384.146.914)	-	(1.384.146.914)
Giảm khác	-	-	(1.705.902.909)	-	-	(1.705.902.909)
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	12.500.000.000	-	2.478.462.859	1.877.291.019	1.705.902.909	18.561.656.787
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	1.373.771.403	-	1.373.771.403
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.877.291.019)	-	(1.877.291.019)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	12.500.000.000	-	2.478.462.859	1.373.771.403	1.705.902.909	18.058.137.171

Phân phối lợi nhuận: Theo quyết định tại Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Số 0043/NQ-ĐHĐCĐ:

Chi trả cổ tức 1.250.000.000 đồng
 Quý khen thưởng, phúc lợi 627.291.019 đồng
 Quý đầu tư phát triển 0 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVM

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	6.375.000.000	6.375.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	6.125.000.000	6.125.000.000
Cộng	12.500.000.000	12.500.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	12.500.000.000	12.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	12.500.000.000	12.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.250.000	1.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.250.000	1.250.000
Cổ phiếu phổ thông	1.250.000	1.250.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.250.000	1.250.000
Cổ phiếu phổ thông	1.250.000	1.250.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	2.478.462.859	2.478.462.859
Quỹ khen thưởng phúc lợi	576.114.462	87.821.096



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

5.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

	<u>30/06/2020</u> (VND)	<u>01/01/2020</u> (VND)
Nợ khó đòi đã xử lý	-	1.561.165.199

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2020</u> <u>đến 30/06/2020</u> (VND)	<u>Từ 01/01/2019</u> <u>đến 30/06/2019</u> (VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>144.144.990.503</u>	<u>112.512.541.673</u>
Doanh thu cung cấp hàng hóa	143.439.225.416	111.872.703.860
Doanh thu cung cấp dịch vụ	705.765.087	639.837.813

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	<u>Từ 01/01/2020</u> <u>đến 30/06/2020</u> (VND)	<u>Từ 01/01/2019</u> <u>đến 30/06/2019</u> (VND)
Giá vốn hàng hóa	128.978.871.985	101.949.706.575
Giá vốn dịch vụ đã cấp	457.242.924	244.990.706
Cộng	<u>129.436.114.909</u>	<u>102.194.697.281</u>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/01/2020</u> <u>đến 30/06/2020</u> (VND)	<u>Từ 01/01/2019</u> <u>đến 30/06/2019</u> (VND)
Lãi tiền gửi	2.082.991	1.016.871
Lãi ký quỹ	185.758	61.468
Cộng	<u>2.268.749</u>	<u>1.078.339</u>

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/01/2020</u> <u>đến 30/06/2020</u> (VND)	<u>Từ 01/01/2019</u> <u>đến 30/06/2019</u> (VND)
Lãi tiền vay	692.385.691	628.603.117
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-
Cộng	<u>692.385.691</u>	<u>628.603.117</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

6.5 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	354.545.454
Các khoản khác	-	23.831.837
Cộng	-	378.377.291

6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.210.982.177	4.219.991.278
Chi phí nguyên vật liệu	254.500.097	117.201.313
Chi phí nhân viên	2.796.894.327	2.089.504.250
Chi phí dụng cụ quản lý	97.643.583	32.281.239
Thuế phí và lệ phí	464.859.799	227.201.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	789.684.934	366.954.417
Chi phí bằng tiền khác	1.807.399.437	1.386.848.185
b. Chi phí bán hàng	6.217.558.787	4.678.726.305
Chi phí nhân viên	2.878.335.656	1.631.586.186
Chi phí vật liệu, bao bì	430.177.220	446.591.270
Chi phí khấu hao TSCĐ	419.255.609	167.778.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.420.979.220	1.569.452.727
Các khoản khác bằng tiền	1.068.811.082	863.317.798
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	12.428.540.964	8.898.717.583



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVM

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	216.446.285	245.283.864
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.590.217.688	1.169.979.322
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	101.380.000	56.440.000
+ Chi phí không được trừ	101.380.000	56.440.000
- Tổng thu nhập chịu thuế	1.691.597.688	1.226.419.322
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	1.691.597.688	-
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	338.319.538	245.283.864
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(121.873.253)	-
Cộng	216.446.285	245.283.864

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.373.771.403	924.695.458
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.373.771.403	924.695.458
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi loại trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ LNST	1.373.771.403	924.695.458
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.250.000	1.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.099	740

4400
ÔNG
NHIỆM
PKI
TẾT N
UÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.466.769.539	56.475.696.730
Chi phí nhân công	13.240.964.675	8.165.091.167
Chi phí khấu hao TSCĐ	740.167.422	529.079.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.236.253.361	3.520.108.385
Chi phí khác bằng tiền	3.828.199.714	2.426.319.314
Cộng	96.512.354.711	71.116.295.254

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:**

Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường 70.455.535.839 VND

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường: 57.506.235.986 VND

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không nắm giữ cổ phiếu nào nên không có rủi ro về giá cổ phiếu.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVM

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 30/06/2020			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.867.046.742	-	4.867.046.742
Phải thu khách hàng	50.453.182.247	-	50.453.182.247
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	2.716.039.625	-	2.716.039.625
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(320.174.780)	-	(320.174.780)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	57.716.093.834	-	57.716.093.834
Ngày 30/06/2020			
Các khoản vay và nợ	15.829.445.119	-	15.829.445.119
Phải trả người bán	28.400.785.875	-	28.400.785.875
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	5.371.476.146	-	5.371.476.146
Tổng cộng	49.601.707.140	-	49.601.707.140
Chênh lệch thanh khoản thuần	8.114.386.694	-	8.114.386.694
Ngày 01/01/2020			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.824.097.648	-	1.824.097.648
Phải thu khách hàng	31.687.731.571	-	31.687.731.571
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	1.519.673.093	-	1.519.673.093
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(320.174.780)	-	(320.174.780)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	34.711.327.532	-	34.711.327.532
Ngày 01/01/2020			
Các khoản vay và nợ	2.880.145.266	-	2.880.145.266
Phải trả người bán	20.607.398.136	-	20.607.398.136
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	1.545.301.825	-	1.545.301.825
Tổng cộng	25.032.845.227	-	25.032.845.227
Chênh lệch thanh khoản thuần	9.678.482.305	-	9.678.482.305

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	30/06/2020	01/01/2020	30/06/2020	01/01/2020
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	50.453.182.247	31.687.731.571	50.133.007.467	31.367.556.791
<i>Các khoản phải thu khác</i>	2.716.039.625	1.519.673.093	2.716.039.625	1.519.673.093
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4.867.046.742	1.824.097.648	4.867.046.742	1.824.097.648
<i>Tài sản khác</i>				
Tổng cộng	58.036.268.614	35.031.502.312	57.716.093.834	34.711.327.532
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	15.829.445.119	2.880.145.266	15.829.445.119	2.880.145.266
<i>Phải trả người bán</i>	28.400.785.875	20.607.398.136	28.400.785.875	20.607.398.136
<i>Phải trả khác</i>	5.371.476.146	1.545.301.825	5.371.476.146	1.545.301.825
Tổng cộng	49.601.707.140	25.032.845.227	49.601.707.140	25.032.845.227

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2020 và ngày 01/01/2020. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

8.2 Báo cáo bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: Doanh thu thành phẩm, Doanh thu kinh doanh VTTB và Doanh thu khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Doanh thu thành phẩm VND	Doanh thu kinh doanh VTTB VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Kết quả năm 2020				
Doanh thu	143.439.225.416	705.765.087	-	144.144.990.503
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	128.978.871.985	457.242.924	-	129.436.114.909
Lợi nhuận gộp	14.460.353.431	248.522.163	-	14.708.875.594

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại tỉnh

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Quảng Ninh và Hà Nội nên Công ty không lập báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

8.3 Thông tin về các bên có liên quan

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại phụ biểu dưới đây:

- Phụ biểu 01: Tổng hợp khách hàng mua, bán vật tư hàng hóa với các bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại phụ biểu 02:

- Phụ biểu 02: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Lương thưởng của Ban Giám đốc	459.000.000
Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	46.440.000
Tổng cộng	505.440.000

8.4 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hà Thị Thúy An

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bùi Phương Anh

GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Khiêm

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26 Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội

Phụ biểu 01

TỔNG HỢP KHÁCH HÀNG MUA, BÁN VẬT TƯ HÀNG HOÁ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Mối quan hệ	Giá trị mua trong kỳ	Giá trị bán trong kỳ
A	B	C	1	2
1	Trường quản trị kinh doanh - Vinacomin	Cùng Tổng công ty	41.414.000	-
2	Trung tâm điều dưỡng ngành than - VVMI	Cùng Tổng công ty	14.039.200	-
3	Công ty than Núi Hồng - VVMI	Cùng Tổng công ty	1.081.818	-
4	Công ty CP khách sạn Thái Nguyên - VVMI	Cùng Tổng công ty	355.228.182	-
5	Công ty CP cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	Cùng Tổng công ty	58.850.000	-
6	Công ty CP Cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI	Cùng Tổng công ty	131.550.000	-
7	Tổng Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	Cùng Tập đoàn	126.600.000	-
8	Công ty CP xi măng La Hiên - VVMI	Cùng Tổng công ty	-	26.874.064.070
9	Công ty CP xi măng Tân Quang - VVMI	Cùng Tổng công ty	-	10.847.255.000
10	Công ty CP than Cao Sơn - Vinacomin	Cùng Tổng công ty	-	1.469.317.000
11	Công ty CP than Đèo Nai - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	-	3.624.809.000
12	Công ty Than Thống Nhất - TKV	Cùng Tập đoàn	-	9.874.651.731
13	Công ty than Mạo Khê - TKV	Cùng Tập đoàn	-	4.464.038.400
14	Công ty than vàng Danh - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	-	2.570.309.200
15	Công ty than Dương Huy - TKV	Cùng Tập đoàn	-	25.520.643.600
16	Công ty CP than Hà Lâm - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	-	3.928.987.920
17	Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	-	7.901.936.450
18	Công ty than Khe Chàm - TKV	Cùng Tập đoàn	-	12.656.626.800
19	Công ty xây lắp mỏ	Cùng Tập đoàn	-	6.091.039.700
20	Công ty than Quang Hanh - TKV	Cùng Tập đoàn	-	216.000.000
21	Công ty than Hạ Long - TKV	Cùng Tập đoàn	-	5.769.250.000
22	Công ty Than Na Dương - VVMI	Cùng Tập đoàn	-	222.720.000
23	Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV	Cùng Tập đoàn	-	1.072.500.000
24	Công ty Than Hòn Gai - TKV	Cùng Tập đoàn	-	3.857.100.000
25	Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	-	2.047.500.000
26	Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV	Cùng Tập đoàn	-	13.867.500.000
	Tổng cộng		728.763.200	142.876.248.871

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





Hà Thị Thúy An

Bùi Phương Anh

Phạm Đức Khiêm

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020

Stt	Tên đơn vị	Các khoản công nợ					
		131		331		338	
		Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn
A	B	1	2	3	4	15	16
A	CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	49,763,296,667	-	-	-	1,528,249,939	-
1	Công ty CP xi măng La Hiên - VVMI	3,297,360,000	-	-	-	597,772,659	-
2	Công ty CP xi măng Tân Quang - VVMI	6,326,195,220	-	-	-	930,477,280	-
3	Công ty CP than Đèo Nai - Vinacomin	1,060,543,925	-	-	-	-	-
4	Công ty than Mạo Khê - TKV	676,618,800	-	-	-	-	-
5	Công ty CP than Cao Sơn - Vinacomin	573,591,445	-	-	-	-	-
6	Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng	464,750,000	-	-	-	-	-
7	Công ty than Hòn Gai - TKV	2,065,142,200	-	-	-	-	-
8	Công ty than Dương Huy - TKV	6,214,178,957	-	-	-	-	-
9	Công ty than Khe Chàm - TKV	1,517,717,368	-	-	-	-	-
10	Công ty than Mông Dương	2,321,254,840	-	-	-	-	-
11	Công ty than Thống Nhất - TKV	1,936,795,050	-	-	-	-	-
12	Công ty CP than Hà Lâm - Vinacomin	1,977,144,312	-	-	-	-	-
13	Công ty than Hạ Long - TKV	809,878,300	-	-	-	-	-
14	Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin	1,093,632,100	-	-	-	-	-
15	Công ty than Quang Hanh - TKV	237,600,000	-	-	-	-	-
16	Công ty xây lắp mỏ - TKV	4,566,861,330	-	-	-	-	-
17	Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin	2,092,282,820	-	-	-	-	-
18	Công ty Nhôm Đăk Nông - TKV	12,531,750,000	-	-	-	-	-
B	CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN	-	-	395,113,000	-	522,727,000	-
1	Công ty Cổ phần Khách sạn Thái Nguyên - VVMI	-	-	183,751,000	-	-	-
2	Công ty Cổ phần Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	-	-	64,735,000	-	-	-
3	Công ty Cổ phần Thiết bị áp lực - VVMI	-	-	144,705,000	-	-	-
4	Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin	-	-	1,922,000	-	-	-
5	Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc - TKV - CTCP	-	-	-	-	522,727,000	-

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

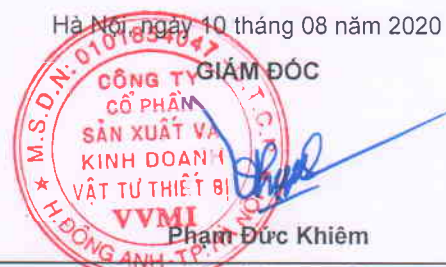


Hà Thị Thúy An

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Bùi Phương Anh



GIÁM ĐỐC

Phạm Đức Khiêm